

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ



QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

THÁNG 8-2024

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16 /QĐ-HĐTV-DVCINB

Nhà Bè, ngày 13 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính
của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty số 151/BB-DVCINB-HĐTV ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc thông qua dự thảo Quy chế Quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè.

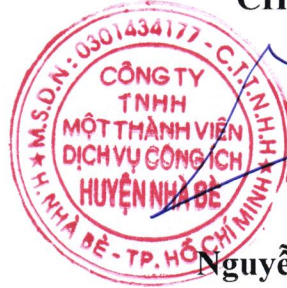
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định trước đây có nội dung trái với quyết định này.

Điều 3. Hội đồng thành viên; Ban Giám đốc; Kiểm soát viên; Trưởng các Phòng, Ban, Đội và người lao động thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Năm

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-HĐTV-DVCINB, ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng thành viên Công ty)



CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định công tác quản lý tài chính, quản lý vốn của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè (sau đây gọi tắt là Công ty). Đối tượng thực hiện quy chế này bao gồm toàn bộ cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc trong Công ty.

2. Ngoài những nội dung quy định tại quy chế này, các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. “*Vốn do Nhà nước đầu tư tại công ty*” là vốn cấp trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho công ty nhà nước khi thành lập, trong quá trình hoạt động kinh doanh; vốn nhà nước được tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; giá trị các khoản viện trợ, quà biếu, quà tặng; tài sản vô chủ, tài sản di thừa khi kiểm kê công ty nhà nước được hạch toán tăng vốn nhà nước tại công ty nhà nước; vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế; giá trị quyền sử dụng đất và các khoản khác được tính vào vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. “*Tài sản của công ty*” bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác và chi sự nghiệp) mà công ty nhà nước có quyền chiếm hữu sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.

3. “*Vốn huy động của công ty*” là số vốn công ty nhà nước huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, vay của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm

4. “*Bảo toàn vốn nhà nước tại công ty*” là việc giữ nguyên, không để thâm hụt số vốn nhà nước tại công ty nhà nước trong suốt quá trình kinh doanh.

5. *Ban quản lý điều hành công ty*, bao gồm Hội đồng thành viên, Ban giám đốc (Giám đốc và các Phó giám đốc).

6. “*Doanh nghiệp khác*” là doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã.

7. “*Vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác*” là vốn do Nhà nước hoặc công ty nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

8. “Người đại diện phần vốn góp của công ty nhà nước tại doanh nghiệp khác” là người được chủ sở hữu của công ty nhà nước ủy quyền đại diện vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác.

Điều 3. Vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác

Vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác bao gồm:

1. Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị những tài sản khác của công ty nhà nước được công ty nhà nước đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác;
2. Vốn từ ngân sách nhà nước đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho công ty nhà nước quản lý;
3. Vốn do công ty nhà nước vay để đầu tư;
4. Lợi tức và các khoản được chia khác do Nhà nước hoặc công ty nhà nước đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác được sử dụng để tái đầu tư tại các doanh nghiệp này;
5. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đại diện chủ sở hữu công ty nhà nước và chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác

1. Đại diện chủ sở hữu công ty nhà nước và chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước và theo phân công, phân cấp của Chính phủ.
2. Chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác thực hiện quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người góp vốn và việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đó.

Trường hợp Chủ sở hữu không cử người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác, người đứng đầu cơ quan chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đó.

CHƯƠNG II QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 5: Nguyên tắc quản trị vốn

1. Tất cả các cấp quản trị của Công ty bao gồm Hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng phó các bộ phận trực thuộc công ty, nhân viên, người lao động làm việc trong Công ty phải đảm bảo vốn của Công ty được quản lý và sử dụng trên cơ sở bảo toàn, phát triển và mang lại hiệu quả. Đồng thời phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng tổn thất hay ứ đọng vốn của Công ty.
2. Các cấp quản trị là trưởng các bộ phận trực thuộc Công ty không được tự ý thay đổi cơ cấu vốn mà Công ty giao cho đơn vị mình để hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Các cấp quản trị phải xây dựng kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và cải tiến công tác quản trị vốn.

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của doanh nghiệp được ghi trong Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Căn cứ quy mô, công suất thiết kế đối với ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển của doanh nghiệp, phù hợp với ngành, nghề kinh doanh chính; phương án sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh mức vốn điều lệ báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 7. Huy động vốn

Doanh nghiệp được quyền vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp, của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

1. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;

b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;

c) Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;

Doanh nghiệp sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn. Nhà nước không chịu trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ do doanh nghiệp trực tiếp vay, trừ các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh;

d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Thẩm quyền huy động vốn:

a) Hội đồng thành viên công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Việc huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm tổng số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn. Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp nhà nước được xác định không bao gồm chỉ tiêu “nguồn kinh phí và quỹ khác”.

- Nợ phải trả ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp nhà nước được xác định không bao gồm các chỉ tiêu: “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”, “Quỹ bình ổn giá”, “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”.

b) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

3. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng vốn huy động không đúng mục đích, huy động vốn vượt mức quy định nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý trách nhiệm của Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quản lý các khoản nợ phải trả

Đối với các khoản nợ phải trả, công ty có trách nhiệm:

1. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả, theo dõi nợ phải trả theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại nợ, xây dựng kế hoạch thanh toán nợ, cân đối dòng tiền bảo đảm thanh toán nợ, thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết.

2. Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

3. Trường hợp quản lý để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Hội đồng thành viên, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

4. Các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của công ty.

5. Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, công ty hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh (tăng hoặc giảm tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính và thời điểm ghi sổ kế toán) của số dư nợ phải trả vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Điều 9. Bảo toàn vốn

1. Hội đồng thành viên Công ty có trách nhiệm:

- Bảo toàn và phát triển vốn của công ty;
- Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính mọi biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào công ty để theo dõi, giám sát.

2. Việc bảo toàn vốn nhà nước tại công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.
- Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.
- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau:
 - + Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
 - + Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
 - + Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính;
 - + Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

3. Việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, bảo hành công trình xây lắp tại công ty... thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Định kỳ hàng năm công ty đánh giá mức độ bảo toàn vốn của công ty, phương pháp đánh giá như sau:

- Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của công ty không phát sinh lỗ hoặc có lãi, công ty bảo toàn vốn.
- Trường hợp sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ (bao gồm trường hợp còn lỗ lũy kế), công ty không bảo toàn được vốn.

Điều 10. Đầu tư vốn ra ngoài công ty nhà nước

1. Công ty được sử dụng tài sản (bao gồm tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động, tài sản trí tuệ và các tài sản khác) thuộc quyền quản lý của công ty để đầu tư ra ngoài công ty. Việc đầu tư ra ngoài công ty liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

2. Việc đầu tư vốn của công ty vào doanh nghiệp khác tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của công ty, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty được nhà nước giao và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập.

3. Công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng công ty đó; không góp vốn hoặc mua cổ phần tại Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán.

4. Các hình thức đầu tư ra ngoài công ty nhà nước:

- Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;
- Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh đang hoạt động;

- Mua lại một công ty khác;
 - Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;
 - Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
5. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài công ty nhà nước:
- Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc công ty quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty theo phân cấp tại Điều lệ công ty.
 - Đại diện chủ sở hữu công ty quyết định việc góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài; đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài; quyết định việc mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác; đầu tư ra bên ngoài của công ty được thiết kế thực hiện chủ yếu, thường xuyên, ổn định các sản phẩm, dịch vụ công ích; quyết định các dự án đầu tư tài chính khác còn lại không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc công ty.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 11: Nguyên tắc quản trị tài sản

1. Tất cả các cấp quản trị của Công ty bao gồm Hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng phó các bộ phận trực thuộc công ty, nhân viên, người lao động làm việc trong Công ty phải đảm bảo tài sản của Công ty được quản lý và sử dụng trên cơ sở bảo toàn, phát triển và mang lại hiệu quả. Đồng thời phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng tổn thất tài sản của Công ty.

2. Các cấp quản trị phải xây dựng kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và cải tiến công tác quản trị tài sản.

3. Hội đồng thành viên, giám đốc quyết định phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc quản trị tài sản (mua sắm, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng, thanh lý ... các vấn đề có liên quan đến tài sản).

Điều 12. Tài sản cố định - đầu tư tài sản cố định

1. Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng thực hiện theo điều lệ và quy định hiện hành

3. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng. Trình tự, thủ tục cụ thể và phân công các bộ phận, cá nhân thực hiện do Hội đồng thành viên hoặc giám đốc quyết định.

Điều 13. Khấu hao tài sản cố định

1. Việc trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ tài chính và các quy định hiện hành.

2. Công ty có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 17. Quản lý các khoản nợ phải thu

Trách nhiệm của Công ty trong quản lý nợ phải thu:

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ;

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ;

3. Trường hợp quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ dẫn đến doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản thì Hội đồng thành viên, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

4. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Việc bán nợ chỉ được thực hiện đối với các tổ chức kinh tế có khả năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho đối tượng nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp bán nợ mà dẫn đến công ty bị thua lỗ, mất vốn hoặc mất khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng công ty phải giải thể, phá sản thì Hội đồng thành viên và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ khó đòi phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

5. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định.

a) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, công ty có trách nhiệm xử lý. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty.

b) Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, công ty vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của công ty.

6. Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Hội đồng thành viên, Giám đốc chịu trách nhiệm như báo cáo không trung thực tình hình tài chính của

công ty. Nếu vì không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của Nhà nước tại công ty thì phải chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu.

Điều 18. Kiểm kê tài sản

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê thực tế, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của công ty; hoặc theo chủ trương của Nhà nước.

2. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan, xác định mức bồi thường vật chất theo quy định và có hướng giải quyết đối với tài sản, nợ đó.

Điều 19. Xử lý tổn thất tài sản

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Hội đồng thành viên, Giám đốc quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

3. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

4. Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng thành viên lập phương án xử lý tổn thất trình đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính có thẩm quyền. Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính, đại diện chủ sở hữu quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền.

5. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

Điều 20. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a. Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b. Thực hiện chuyển đổi sở hữu công ty: cổ phần hóa, bán công ty, đa dạng hóa hình thức sở hữu;

c. Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài công ty.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG IV

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 21: Nguyên tắc quản trị

1. Giám đốc công ty xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra chặt chẽ các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và giá thành sản phẩm, dịch vụ với mục tiêu cuối cùng là hiệu quả doanh nghiệp.

2. Các cấp quản trị của công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí kinh doanh, bảo đảm các chi phí này được trang trải bằng doanh thu đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh phải có hiệu quả.

3. Các cấp quản trị của công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các khoản doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong phạm vi ra quyết định của mình.

Điều 22. Doanh thu

1. Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác.

2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gồm doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính:

a. Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của công ty. Đối với công ty thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh thu bao gồm cả các khoản trợ cấp của Nhà nước cho công ty khi công ty thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo nhiệm vụ nhà nước giao mà thu không đủ bù đắp chi;

b. Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản của công ty, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, kể cả chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ có tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính thấp hơn tỷ giá ghi trên sổ kế toán; lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài công ty (bao gồm cả phần lợi nhuận sau thuế sau khi để lại trích các quỹ của công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên; lợi nhuận sau thuế được chia theo vốn nhà nước và lợi nhuận sau thuế trích lập Quỹ đầu tư phát triển của công ty thành viên hạch toán độc lập).

3. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, giá trị tài sản trí tuệ được bên nhận vốn góp chấp nhận được ghi nhận là thu nhập khác của công ty nhà nước và các khoản thu khác.

Điều 23. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh:

a. Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

b. Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định tại Điều 13 Quy chế này;

c. Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc quyết định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d. Kinh phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà công ty phải nộp theo quy định;

đ. Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh;

e. Chi phí bằng tiền khác gồm:

- Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài;
- Tiền thuê đất;
- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;
- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;
- Chi cho công tác y tế;
- Chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ;
- Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Tổng giám đốc, Giám đốc công ty quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm.

- Chi phí cho lao động nữ;

- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

- Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);

- Các khoản chi phí bằng tiền khác.

g. Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 17 và khoản 3 Điều 19 Quy chế này.

h. Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, trích lập theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Quy chế này, chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ, chi phí trích trước bảo hành

177
STY
IH
NH VI
ÔNG
HÀ B
HỒ C

sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

i. Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi liên quan đến đầu tư tài chính ra ngoài công ty (bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi kể cả khoản lỗ được chia từ doanh nghiệp góp vốn); giá trị vốn góp chuyển nhượng, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

2. Chi phí khác, bao gồm:

a. Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán;

b. Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

c. Chi phí để thu tiền phạt;

d. Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;

đ. Các chi phí khác.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

a. Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;

b. Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước thời điểm đưa công trình vào sử dụng;

c. Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;

d. Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh công ty mà do cá nhân gây ra.

Điều 24. Quản lý chi phí

Công ty nhà nước phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý sau đây:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của công ty. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại.

2. Phải định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của công ty nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

3. Công ty xây dựng kế hoạch chi phí theo từng khoản mục chi phí để quản lý chi phí cho năm tài chính. Thực hiện các biện pháp về giá trong mua bán để đảm bảo các khoản chi phí có giá cạnh tranh như: đấu thầu, chào hàng cạnh tranh..

4. Các khoản chi phí phải đảm bảo hợp lý và có đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi sai, chi không đúng đối tượng hoặc không có chứng từ, chứng từ không hợp lệ không được hạch toán vào chi phí. Người nào quyết định các khoản chi sai nguyên tắc, sai chế độ phải chịu trách nhiệm bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 25. Giá thành sản phẩm, chi phí dịch vụ tiêu thụ

1. Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá thành hàng hóa bán ra) bao gồm: giá thành sản phẩm, hàng hóa xuất tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá vốn hàng hóa bán ra); chi phí quản lý công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

2. Chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ gồm chi phí dịch vụ phát sinh trong kỳ, chi phí quản lý công ty phát sinh trong kỳ, chi phí bán hàng, dịch vụ phát sinh trong kỳ.

3. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 26. Lợi nhuận thực hiện

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của công ty là tổng của lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

2. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:

a. Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ;

b. Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

CHƯƠNG V

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 27. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định

3. Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

4. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Công ty xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- Công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- Mức trích vào mỗi quỹ do Hội đồng thành viên quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ban Chấp hành Công đoàn công ty.

5. Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên:

- Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.
- Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.
- Công ty xếp loại C hoặc không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

6. Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

7. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định như trên được nộp về ngân sách nhà nước.

Điều 29. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Việc sử dụng các quỹ của công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng:

- Công ty phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ công ty; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành Công đoàn Công ty và công khai trong công ty trước khi thực hiện.

- Trong năm tài chính, công ty chủ động tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển công ty và bổ sung vốn điều lệ cho công ty

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong công ty (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp làm việc theo hợp đồng lao động). Không dùng quỹ khen thưởng của công ty để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

- Thưởng cho những cá nhân, đơn vị ngoài công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

- Mức thưởng do Giám đốc công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của công ty.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty.

- Chi các hoạt động phúc lợi của người lao động trong công ty bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động lẫn do nhà nước bổ nhiệm.

- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

- Mức chi sử dụng quỹ do Giám đốc công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của công ty.

5. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được dùng để:

- Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng công ty.

- Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

- Trường hợp người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì công ty sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 30. Kế hoạch tài chính

1. Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, năng lực của công ty và nhu cầu thị trường, công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên công ty quyết định.

2. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên công ty quyết định, công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

3. Sau khi nhận được kế hoạch tài chính, cơ quan đại diện chủ sở hữu phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do công ty lập, từ đó có ý kiến để công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi

được hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát, đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều 31. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán

Công ty tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

Điều 32. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), công ty phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

2. Công ty có trách nhiệm lập và gửi theo quy định về báo cáo giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty nhà nước; báo cáo tình hình đầu tư tài chính, tình hình huy động và sử dụng vốn theo quy định hiện hành.

3. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, công ty phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước.

CHƯƠNG VII

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 33. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho tặng tài sản của công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

3. Hàng năm phải báo cáo về kết quả quản lý, giám sát hoạt động của công ty cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, kết quả xếp hạng của công ty.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và nhà nước thì có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn, không trả được nợ vay; hoặc để công ty thua lỗ, mất vốn, không

đảm bảo lương tối thiểu cho người lao động sẽ bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm.

6. Các nghĩa vụ khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thực hiện chức năng quản lý công ty trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của công ty;

- Xây dựng và quyết định chiến lược phát triển, phương án tổ chức kinh doanh của công ty. Việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty hoặc những chiến lược đầu tư vào các ngành nghề, lĩnh vực địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao phải được sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Quyết định, phê duyệt các dự án đầu tư, hợp đồng mua bán, vay và các hợp đồng khác có giá trị dưới 50% giá trị vốn chủ sở hữu của công ty.

- Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính dưới 50% vốn chủ sở hữu của công ty.

- Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá 50% giá trị vốn chủ sở hữu của công ty.

- Nhận và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước. Hoàn thành các nghĩa vụ, các mục tiêu mà nhà nước giao; chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Các nhiệm vụ khác thực hiện theo Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 35. Quyền hạn và nhiệm vụ của Kiểm soát viên

Thực hiện theo Quy chế kiểm soát của Kiểm soát viên đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Điều 36. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty:

- Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

- Quyết định các dự án đầu tư; các hợp đồng mua bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các hợp đồng kinh tế khác có giá trị đến 30% giá trị vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm gần nhất sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng thành viên.

2. Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm, hàng quý phù hợp với kế hoạch đầu tư và kinh doanh trình Hội đồng thành viên thông qua.

3. Xây dựng và ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật phù hợp với các điều kiện kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật làm cơ sở quản lý chi phí trong công ty.

4177-
GT
HH
ANH VI
CÔNG K
NHÀ BÈ
HỒ C

4. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc huy động, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn theo kế hoạch, thẩm quyền huy động, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn đã được Hội đồng thành viên thông qua.

5. Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác khi đến hạn phải trả thì:

- Chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ tại khoản này.

- Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty với Hội đồng thành viên công ty.

6. Trường hợp triển khai thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, tiến độ, chất lượng dẫn đến công ty bị thiệt hại, tùy theo mức độ sẽ bị miễn nhiệm hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của Phó giám đốc, Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc:

- Giúp giám đốc điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

- Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến việc sử dụng con dấu của công ty đều phải được thực hiện bằng văn bản.

2. Kế toán trưởng:

- Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

- Tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

- Giúp Giám đốc tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh, nghiên cứu cải tiến sản xuất, cải tiến quản lý kinh doanh... và củng cố, hoàn thiện chế độ hạch toán kinh tế, tài chính theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý của công ty. Kiểm tra, rà soát về công tác thực hiện và tuân thủ Quy chế quản lý tài chính đã ban hành.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về nghiệp vụ chuyên môn và các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35: Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 8 chương, 35 điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên người lao động trong công ty có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

3. Mọi trường hợp phát sinh không có trong quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định của nhà nước và điều lệ công ty.

4. Trong trường hợp có những quy định của nhà nước có liên quan chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới khác với những quy định trong quy chế thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc hoặc khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung quy chế này cho phù hợp với hoạt động của công ty, Giám đốc xem xét và đề nghị với Hội đồng thành viên để quyết định.

6. Trong những trường hợp đặc biệt, Hội đồng thành viên có quyền hạn chế những quyền hạn có liên quan đến tài chính của Giám đốc công ty quy định trong quy chế này nếu xét thấy những quyền hạn ấy có khả năng gây thiệt hại về tài chính cho công ty.

